TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 407/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02/5/2019
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhoán;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Quang Lý;

2. Ông Nguyễn Thành Lân.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa*: Ông Huỳnh Thanh Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 96/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Đường C, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Đường Đ, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Trần Văn N trình bày:

Ông và bà T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 01/2014, cấp ngày 08/3/2014 tại Uỷ ban nhân dân Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu thời kỳ hôn nhân vợ chồng ông sống hạnh phúc. Tuy nhiên, được một thời gian vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng ít nói chuyện, chia sẻ với nhau các vấn đề trong cuộc sống, tình trạng này kéo dài nhiều năm nay, vợ chồng ông đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Đời sống chung của vợ chồng không thể hòa hợp về tính tình, quan điểm sống, tâm sinh lý…, mục đích hôn nhân không đạt được, nay làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân

Bình giải quyết thủ tục ly hôn cho ông và bà T để ông và bà T sớm ổn định cuốc sống mới.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Ông N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà T; về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa đã đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Văn N có đơn yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Xuân T, địa chỉ: Đường Đ, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 01/2014, cấp ngày 08/3/2014 tại Uỷ ban nhân dân Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn N có đơn yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Xuân T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông N cương quyết xin ly hôn với bà T do vợ chồng ít nói chuyện, chia sẻ với nhau các vấn đề trong cuộc sống, đời sống chung của vợ chồng không thể hòa hợp về tính tình, quan điểm sống, tâm sinh lý, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng này kéo dài nhiều năm nay, vợ chồng ông đã sống ly thân khoảng 01 năm nay.

Từ khi thụ lý đến khi xét xử, bà T không đến Tòa để tự khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; hòa giải; xét xử và

cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với việc ông N xin ly hôn, chứng tỏ bà T không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông N xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Xuân T.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Theo Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Trần Văn N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Hội đồng xét xử Quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn N:

- Về hôn nhân: Ông Trần Văn N được ly hôn bà Nguyễn Thị Xuân T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Ông N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tạm ứng án phí do ông N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0037761 ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Ông N có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Nhoán